

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Q. THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/DS-ST

Ngày: 23/4/2024.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Thân

2. Ông Phạm Thuận

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Nguyễn Việt Cường, Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thanh Thuận, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 361/2023/TLST-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2024/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 04 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP H1 (M); trụ sở chính: Số E N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP H1

Người đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Đức Q – Tổng Giám đốc Ngân hàng Q1 – Ngân hàng TMCP H1 (Giấy ủy quyền số 3897/2020/UQ-TGD12 ngày 20/7/2020)

Ông Bùi Đức Q ủy quyền lại cho: ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1987, chức vụ: Giám đốc tổ tụng cấp 2; ông Đào Ngọc T1, sinh năm 1987, chức vụ: Giám đốc tổ tụng cấp 2; ông Lê Thành Đ, sinh năm 1998, chức vụ: Chuyên viên tổ tụng; ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1998, chức vụ: Chuyên viên tổ tụng; cùng địa chỉ: số B Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Giấy ủy quyền số 9735/2023/UQ-TGD12 ngày 16/10/2023).

- **Bị đơn:** Ông Chu Duy A, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ I, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Võ Thị Ái H, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ I, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2023 và bản tự khai ngày 11/01/2024, ngày 01/4/2024 của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần H1, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Tiến T trình bày:

Ngày 09/08/2021, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần H1 – Chi nhánh Đ1 và ông Chu Duy A ký kết Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB với các nội dung như sau: Hạn mức cấp thẻ: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng y); Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; Thời hạn thẻ: 36 tháng.

Ngày 07/10/2021, Ngân hàng TMCP H1 - Chi nhánh Đ1 và ông Chu Duy A tiếp tục ký kết Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 với các nội dung như sau: Hạn mức vay: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng y); Mục đích vay: Mua sắm thiết bị gia đình; Thời hạn duy trì hạn mức vay: 36 tháng từ ngày 08/10/2021 đến 08/10/2024. Cùng ngày, ông Chu Duy A và vợ là bà Võ Thị Ái H ký kết văn bản đồng thuận về việc vay vốn và cùng trả nợ cho Ngân hàng với nội dung trong trường hợp ông Chu Duy A không trả nợ cho Ngân hàng TMCP H1 theo Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 thì bà Võ Thị Ái H cam kết và có nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP H1 theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng, Giấy nhận nợ.

Quá trình thực hiện các hợp đồng: ngày 09/08/2021, Ngân hàng TMCP H1 - Chi nhánh Đ1 đã cấp cho ông Chu Duy A thẻ tín dụng với số tiền 150.000.000 đồng, đúng với nội dung Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ dụng MSB đã ký kết. Ngày 08/10/2021, Ngân hàng TMCP H1 - Chi nhánh Đ1 giải ngân cho ông Chu Duy A theo Giấy nhận nợ lần thứ 1 với số tiền 100.000.000 đồng, đúng với nội dung Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, ông Chu Duy A nhận toàn bộ khoản tiền vay và tiến hành sử dụng thẻ tín dụng MSB. Tính đến ngày 23/4/2024 ông A đã trả được 36.114.735 đồng tiền gốc và 22.289.215 đồng tiền lãi đối với Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681; đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ dụng MSB ông Chu Duy A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 2.143.294.400 đồng, ông A đã thanh toán được 1.994.912.900 đồng tiền gốc và 3.532.899 đồng tiền lãi; kể từ ngày 26/12/2022 ông A ngừng việc trả nợ cho Ngân hàng TMCP H1. Như vậy, ông A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Mặc dù, Ngân hàng TMCP H1 đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần để ông Chu Duy A trả nợ nhưng ông A vẫn cố tình vi phạm, không thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng đã ký và theo các quy định của pháp luật.

Dư nợ khoản vay của ông Chu Duy A tại Ngân hàng TMCP H1 tạm tính đến ngày 23/04/2024 chi tiết như sau:

Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ dụng MSB ngày 09/08/2021, ông A còn nợ tổng số tiền là 185.937.791 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi bảy ngàn, bảy trăm chín mươi một đồng), bao gồm: nợ gốc là 148.381.500 đồng, nợ lãi là 37.350.791 đồng, nợ phí là 205.500 đồng.

Đối với Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021, ông A còn nợ tổng số tiền là 90.718.772 đồng (Chín mươi triệu, bảy trăm mười tám ngàn, bảy trăm bảy mươi hai đồng), bao gồm: nợ gốc là 63.885.265 đồng,

nợ lãi là 22.770.359 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.063.148 đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, tại phiên Tòa, Ngân hàng TMCP H1 đề nghị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xem xét, giải quyết buộc ông Chu Duy A phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền gốc, lãi tạm tính đến ngày 23/04/2023 là 276.656.563 đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi sáu ngàn, năm trăm sáu mươi ba đồng) theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ dụng MSB ngày 09/8/2021 và Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021.

Kể từ ngày 24/04/2024, ông Chu Duy A còn tiếp tục phải trả cho Ngân hàng TMCP H1 số tiền lãi, phí phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp ông Chu Duy A không trả nợ cho Ngân hàng TMCP H1 thì bà Võ Thị Ái H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021 và Giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 08/10/2021.

Theo nội dung biên bản phiên hòa giải ngày 01/4/2024, biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2024, bị đơn là ông Chu Duy A trình bày:

Ông Chu Duy A và Ngân hàng TMCP H1 – Chi nhánh Đ1 có ký kết 02 Hợp đồng tín dụng là Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 09/08/2021, để sử dụng thẻ tín dụng MSB với hạn mức là 150.000.000 đồng và Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021 vay số tiền 100.000.000 đồng. Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng, ông A đã nhận đủ số tiền vay 100.000.000 đồng; ông A cũng đã nhận được, đưa vào sử dụng thẻ tín dụng MSB. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do thường xuyên rút tiền và nộp trả nhiều lần nên ông A không rõ tính đến thời điểm hiện tại ông đã trả cho Ngân hàng TMCP H1 bao nhiêu tiền và hiện còn nợ số tiền là bao nhiêu đối với 02 Hợp đồng trên; tuy nhiên ông A cho rằng lịch sử trả nợ của mình tốt, luôn trả đúng hạn theo giao kết của hợp đồng. Đến ngày 07/12/2022, do ông A phải chấp hành án tại trại giam A1 nên việc trả nợ bị gián đoạn.

Ông A và bà Võ Thị Ái H có quan hệ vợ chồng, kết hôn ngày 01/7/2015 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Cả hai hợp đồng đều là một mình ông A ký, bà H không tham gia ký vay. Đối với Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021 vì điều kiện cần có văn bản đồng thuận về việc vay vốn và cùng trả nợ cho Ngân hàng thì ông A mới có thể hoàn tất thủ tục vay nên bà H mới đồng ý ký văn bản đồng thuận để hỗ trợ cho ông A vay tiền.

Đối với việc Ngân hàng TMCP H1 khởi kiện buộc ông A phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP H1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/04/2023 là 276.656.563 đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi sáu ngàn, năm trăm sáu mươi ba đồng) theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ dụng MSB ngày 09/8/2021 và Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021 thì ông A đồng ý, tuy nhiên vì hoàn cảnh khách quan là ông A đang phải chấp hành án, chưa có khả năng trả nợ nên ông A đề nghị MSB xem xét cho ông A được miễn, giảm

toàn bộ lãi, ông A xin được trả nợ gốc của 02 Hợp đồng tín dụng với số tiền là 212.266.765 đồng và đề nghị Ngân hàng TMCP H1 hoãn việc trả nợ đến khi ông A mãn hạn tù sẽ có kế hoạch trả nợ cụ thể.

Căn cứ bản tự khai ngày 11/01/2024, biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ái H trình bày:

Bà Võ Thị Ái H có hộ khẩu thường trú tại tổ I, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Bà H và ông A có quan hệ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận T vào ngày 01/7/2015. Ông A và Ngân hàng TMCP H1 đã ký kết những hợp đồng tín dụng nào thì bà H không biết. Bà không có ký vay cùng ông A, sau khi ông A vay tiền Ngân hàng thì bà mới biết, quá trình ông A đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP H1 như thế nào thì bà H không biết rõ tuy nhiên ông A trả nợ cho Ngân hàng rất đúng thời gian vì chưa bao giờ Ngân hàng gọi cho bà H về vấn đề ông A chậm trả tiền. Ông A có yêu cầu bà ký văn bản đồng thuận cùng liên đới trách nhiệm trả nợ với ông A nhưng ông A nói với bà là ký thủ tục để ngân hàng cho vay và bà H không phải chịu trách nhiệm gì nên bà H mới an tâm ký văn bản.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông A trả nợ đối với Hợp đồng thẻ và hợp đồng vay đồng thời buộc bà H liên đới trả nợ vay đối với Hợp đồng tín dụng số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 thì bà Hiệp đồng ý nhưng bà H chỉ liên đới chịu ½ số tiền ông A còn nợ của hợp đồng tín dụng số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681. Vì hiện nay bà H đang nuôi con nhỏ nên bà đề nghị Ngân hàng chờ ông A mãn hạn tù về rồi sau đó vợ chồng bà sẽ có kế hoạch trả nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: Nguyên đơn giao nộp: Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021; (Bản sao); Giấy nhận nợ ngày 08/10/2021 (Bản sao); Giấy ủy quyền số 3897/2020/UQ-TGD12 ngày 20/07/2020 của Tổng Giám đốc M (Bản chính); Giấy ủy quyền số 9735/2023/UQ-TGD12 ngày 16/10/2023 (Bản chính); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của M (Bản sao); Giấy Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB (Bản sao); Văn bản đồng thuận ngày 07/10/2021 (Bản sao); Giấy Chứng minh nhân dân Chu Duy A và Võ Thị Ái H, Sổ hộ khẩu, Giấy Chứng nhận kết hôn (Bản photo); Điều khoản, điều kiện giao dịch chung về việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng trên kênh số tại MSB; Quyết định về việc điều chỉnh biểu phí và lãi suất thẻ tín dụng tại Ngân hàng bán lẻ số 5894/2020/QĐ-TGD1 ngày 02/10/2020, 8109/2022/QĐ-TGD1 ngày 25/10/2022 và 4205/2023/QĐ-TGD1 ngày 17/5/2023; các bảng tính lãi của Ngân hàng đối với khoản nợ của ông A. Bị đơn ông Chu Duy A, bà Võ Thị Ái H không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: các Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 01/4/2024, ngày 04/4/2024. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đều chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Đối với nội dung vụ án: đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là **Ngân hàng TMCP H1** đối với bị đơn ông **Chu Duy A**, buộc ông **Chu Duy A** phải trả toàn bộ khoản nợ tới hạn tạm tính đến ngày 23/04/2023 là 276.656.563 đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi sáu ngàn, năm trăm sáu mươi ba đồng) theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ dụng MSB ngày 09/8/2021 và Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021.

Kể từ ngày 24/04/2024, ông **Chu Duy A** còn tiếp tục phải trả cho **Ngân hàng TMCP H1** số tiền lãi, phí phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp ông **Chu Duy A** không trả nợ cho **Ngân hàng TMCP H1** thì bà **Võ Thị Ái H** phải có nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP H1** theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021 và Giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 08/10/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện, **Ngân hàng TMCP H1** khởi kiện yêu cầu ông **Chu Duy A** trả nợ vay là quan hệ tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn là ông **Chu Duy A** hiện có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ **tổ I, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng**, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Ngân hàng TMCP H1 ký kết với ông **A** Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ dụng MSB ngày 09/08/2021 và Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021 với mục đích cho ông **A** vay để mua sắm thiết bị gia đình. Các hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng trên cơ sở qui định tại các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự. Nay, **Ngân hàng TMCP H1** khởi kiện yêu cầu ông **A** trả nợ vay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463 và Điều 466

của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án cho đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến T, bị đơn ông Chu Duy A và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ái H. Tại phiên tòa, ông T, bà H có mặt, ông A vì đang chấp hành án tại trại giam A1 nên vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 222, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn ông Chu Duy A.

[4] Về việc thay đổi địa vị tố tụng:

Ngày 16/10/2023, Ngân hàng TMCP H1 khởi kiện ông Chu Duy A và bà Võ Thị Ái H, yêu cầu ông A và bà H trả nợ vay đối với 02 Hợp đồng tín dụng nên Tòa án xác định ông Chu Duy A và bà Võ Thị Ái H tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, Ngân hàng TMCP H1 thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông Chu Duy A trả nợ vay đối với 02 Hợp đồng tín dụng; trong trường hợp ông A không trả thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu bà H phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ vay đối với Hợp đồng tín dụng mà ông Chu Duy A đã ký kết với Ngân hàng TMCP H1. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên có cơ sở chấp nhận. Ngày 01/4/2024, Tòa án phát hành thông báo số 361/TB-TA thay đổi địa vị tố tụng trong vụ án dân sự của bà Võ Thị Ái H từ bị đơn thành người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[5] Về nội dung vụ án:

Ngày 09/08/2021, ông Chu Duy A ký kết với Ngân hàng TMCP H1 – Chi nhánh Đ1 một Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ dụng MSB. Nội dung của Hợp đồng ghi nhận Ngân hàng cấp thẻ tín dụng MSB cho ông A với hạn mức 150.000.000 đồng; mục đích vay là tiêu dùng cá nhân; thời hạn thẻ là 36 tháng; lãi suất: 32%/năm (có điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ) kể từ ngày giải ngân thẻ; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 145% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ngày 07/10/2021, ông Chu Duy A và Ngân hàng TMCP H1 – Chi nhánh Đ1 tiếp tục ký kết Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681. Nội dung của Hợp đồng ghi nhận số tiền vay theo hạn mức là 100.000.000 đồng; mục đích vay là mua sắm thiết bị gia đình; Thời hạn duy trì hạn mức vay là 36 tháng từ ngày 08/10/2021 đến 08/10/2024; lãi suất cho vay là 24.5%/năm kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 08/10/2024; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; nợ gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần, số kỳ trả gốc và trả lãi 36 kỳ, ngày trả nợ gốc và lãi lần đầu tiên vào ngày 10/11/2021, các kỳ tiếp theo nợ gốc, lãi được trả 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng.

Ngày 09/08/2021, Ngân hàng TMCP H1 – Chi nhánh Đ1 đã cấp cho ông Chu Duy A

thẻ tín dụng với số tiền 150.000.000 đồng, đúng với nội dung Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB đã ký kết. Ngày 08/10/2021, Ngân hàng TMCP H1 – Chi nhánh Đ1 đã giải ngân cho ông Chu Duy A theo Giấy nhận nợ lần thứ 1 với số tiền 100.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681. Cùng ngày, ông A và vợ là bà Võ Thị Ái H ký kết văn bản đồng thuận về việc vay vốn và cùng trả nợ cho Ngân hàng TMCP H1 đối với Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 26/12/2022 ông A ngừng việc trả nợ cho Ngân hàng TMCP H1. Ngân hàng TMCP H1 đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần để ông Chu Duy A trả nợ nhưng ông A vẫn cố tình vi phạm, không thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng đã ký và theo các quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa, Ngân hàng TMCP H1 yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xem xét, giải quyết buộc ông Chu Duy A phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP H1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/04/2023 là 276.656.563 đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi sáu ngàn, năm trăm sáu mươi ba đồng) theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ dụng MSB ngày 09/8/2021 và Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021.

Kể từ ngày 24/04/2024, ông Chu Duy A còn tiếp tục phải trả cho Ngân hàng TMCP H1 số tiền lãi, phí phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp ông Chu Duy A không trả nợ cho Ngân hàng TMCP H1 thì bà Võ Thị Ái H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP H1 theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021 và Giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 08/10/2021.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H1 thì thấy:

[2.1] Về nợ gốc:

Ngày 08/10/2021, Ngân hàng TMCP H1 đã giải ngân cho ông A theo Giấy nhận nợ lần thứ 1 ngày 08/10/2021 số tiền 100.000.000 đồng và ngày 09/08/2021, tiếp tục cấp cho ông Chu Duy A thẻ tín dụng với hạn mức thẻ 150.000.000 đồng là có thật.

Căn cứ vào nội dung bảng tính lãi thẻ HD: 011-V-000076108 Visa classic và bảng tính lãi KUNN:06082010399000 của Khách hàng Chu Duy A xác định được tính đến ngày 23/4/2024, ông Chu Duy A đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho Ngân hàng TMCP H1 số tiền là 36.114.735 đồng đối với Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021 và 1.994.912.900 đồng đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ dụng MSB ngày 09/8/2021. Kể từ ngày 26/12/2022 cho đến nay, ông A không thanh toán thêm khoản tiền nào khác. Vậy, số tiền nợ gốc mà ông A còn phải trả cho Ngân hàng TMCP H1 là 63.885.265 đồng đối với Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021 và 148.381.500 đồng đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ dụng MSB ngày 09/8/2021.

Ông Chu Duy A vi phạm nghĩa vụ trả nợ của các Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 26/12/2022, mặc dù các Hợp đồng tín dụng này chưa đến hạn thanh lý hợp

đồng nhưng căn cứ theo Khoản 2 Điều 8 Điều khoản, điều kiện về việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB qui định các khoản vay chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn: “.....trường hợp Chủ thẻ, vì bất kỳ lý do gì, không trả được bất kỳ khoản nợ nào (bao gồm nhưng không giới hạn các khoản: nợ gốc, lãi, các khoản phí, chi phí, các khoản phạt) đầy đủ và đúng hạn, thì MSB được....áp dụng mọi biện pháp khác để thu hồi nợ theo quy định Pháp luật”.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H1 về việc buộc ông A trả số tiền nợ gốc theo Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021 là 63.885.265đ (Sáu mươi ba triệu, tám trăm tám mươi lăm ngàn, hai trăm sáu mươi lăm đồng) và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ dụng MSB ngày 09/8/2021 là 148.381.500đ (Một trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm tám mươi một ngàn, năm trăm đồng) là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về nợ lãi:

Căn cứ nội dung của các Hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng TMCP H1 đã ký kết với ông Chu Duy A thì các bên đương sự có thỏa thuận lãi suất cho vay, cụ thể:

Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ dụng MSB ngày 09/08/2021 lãi suất là 32%/năm (có điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ theo các Quyết định về việc điều chỉnh biểu phí và lãi suất thẻ tín dụng tại Ngân hàng bán lẻ số 5894/2020/QĐ-TGDĐ ngày 02/10/2020, 8109/2022/QĐ-TGDĐ ngày 25/10/2022 và 4205/2023/QĐ-TGDĐ ngày 17/5/2023) kể từ ngày giải ngân thẻ; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 145% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn

Đối với Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021 lãi suất cho vay là 24.5%/năm kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 08/10/2024; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; nợ lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần, số kỳ trả lãi 36 kỳ, ngày trả nợ lãi lần đầu tiên vào ngày 10/11/2021, các kỳ tiếp theo nợ lãi được trả 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng (nội dung thể hiện tại Giấy nhận nợ lần thứ 01 ngày 08/10/2021).

Xét thấy, các thỏa thuận này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, sự thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; sự thỏa thuận mức lãi suất của các đương sự không phụ thuộc vào Bộ luật Dân sự mà được điều chỉnh theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), hai bên thỏa thuận lãi suất là tự nguyện nên căn cứ các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về việc Ngân hàng N hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng TMCP H1 căn cứ vào các bảng tính lãi thẻ HD: 011-V-000076108 Visa classic và bảng tính lãi KUNN:06082010399000 của Khách hàng Chu Duy A tạm tính đến ngày 23/4/2024, yêu cầu ông Chu Duy A phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận của 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên là có cơ sở chấp nhận, nợ lãi tạm tính đến ngày 23/4/2024 được chấp nhận là:

+ Tổng số tiền 37.556.291đ (Ba mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi sáu ngàn, hai trăm chín mươi một đồng), trong đó: Nợ lãi là 37.350.791 đồng, nợ phí thẻ là

205.500 đồng đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ dung MSB ngày 09/8/2021.

+ Tổng số tiền 26.833.507đ (Hai mươi sáu triệu, tám trăm ba mươi ba ngàn, năm trăm lẻ bảy đồng), trong đó: Nợ lãi trong hạn là 22.770.359 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.063.148 đồng đối với Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021.

Ông **Chu Duy A** phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh kể từ ngày 24/4/2024 cho đến khi ông **A** thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

[2.3] Về nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP H1** của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị Ái H**:

Căn cứ theo tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp kèm theo đơn khởi kiện, căn cứ vào biên bản ghi lời khai ngày 01/4/2024 của ông **Chu Duy A** và biên bản ghi lời khai ngày 04/4/2024 của bà **Võ Thị Ái H** thì vào ngày 07/10/2021, ông **Chu Duy A** và vợ là bà **Võ Thị Ái H** có ký Văn bản đồng thuận v/v: Vay vốn và cùng trả nợ cho Ngân hàng đối với số tiền đề nghị vay vốn: 100.000.000 đồng. Tuy văn bản đồng thuận này không qui định rõ được áp dụng cho Hợp đồng tín dụng nào giữa ông **Chu Duy A** và MSB nhưng về mặt thời gian lập văn bản (ngày 07/10/2021), cũng như số tiền vay (100.000.000 đồng) là tương ứng với Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021.

Căn cứ theo nội dung tại Khoản 2 Văn bản đồng thuận có thể hiện: “..*Trường hợp Ông: **Chu Duy A** không trả được nợ cho MSB đúng theo thỏa thuận đã ký kết, thì Bà: **Võ Thị Ái H** cam kết và có nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho MSB theo đúng thỏa thuận tại các Hợp đồng, Khế ước nhận nợ, Giấy nhận nợ, thỏa thuận, văn bản khác ký giữa Ông: **Chu Duy A** với MSB hoặc các thông báo của M.....*”

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP H1** về việc buộc bà **Võ Thị Ái H** có nghĩa vụ liên đới trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP H1** theo Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021 được ký kết giữa ông **Chu Duy A** và **Ngân hàng TMCP H1** là có cơ sở chấp nhận.

[3] Án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông **Chu Duy A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bà **Võ Thị Ái H** liên đới với ông **Chu Duy A** chịu một phần án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP H1** tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4] Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144,

147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*);

Căn cứ Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thoả thuận;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng TMCP H1 đối với bị đơn là ông Chu Duy A.

Buộc ông Chu Duy A phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP H1 tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 23/4/2024 là 276.656.563 đồng (hai trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi sáu ngàn, năm trăm sáu mươi ba đồng), bao gồm:

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ dụng MSB ngày 09/8/2021 số tiền là 185.937.791 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi bảy ngàn, bảy trăm chín mươi một đồng), trong đó: nợ gốc 148.381.500 đồng, nợ lãi là 37.350.791 đồng, nợ phí thẻ là 205.500 đồng.

+ Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021 số tiền là 90.718.772 đồng (chín mươi triệu, bảy trăm mười tám ngàn, bảy trăm bảy mươi hai đồng), trong đó: nợ gốc 63.885.265 đồng, nợ lãi trong hạn là 22.770.359 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.063.148 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/4/2024), ông Chu Duy A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Chu Duy A không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP H1 đúng theo thỏa thuận đã ký kết thì bà Võ Thị Ái H có nghĩa vụ, liên đới trách nhiệm với ông Chu Duy A thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP H1 theo Hợp đồng cho vay số 00641/2021/HĐCVKTSBĐ/RB/2597681 ngày 07/10/2021 và Giấy nhận nợ ngày 08/10/2021.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm số tiền là 13.832.828đ (mười ba triệu, tám trăm ba mươi hai ngàn, tám trăm hai mươi tám đồng).

Ông Chu Duy A phải chịu 13.832.828đ (mười ba triệu, tám trăm ba mươi hai ngàn, tám trăm hai mươi tám đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Trong đó, bà Võ Thị Ái H cùng ông Chu Duy A chịu 4.535.938đ (bốn triệu, năm trăm ba mươi lăm ngàn, chín trăm ba mươi tám đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP H1 không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho

Ngân hàng TMCP H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.643.953 đồng (sáu triệu, sáu trăm bốn mươi ba ngàn, chín trăm năm mươi ba đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001104 ngày 04/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (23/4/2024). Các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND quận Thanh Khê ;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê ;
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.

Trần Hoàng Dũng

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

